

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ
ĐẠI DƯƠNG**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 30



1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hà Trọng Nam	Chủ tịch
Ông Hà Văn Thắm (*)	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015)
Ông Sven Albert Saebel	Thành viên (Từ nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2015)
Ông Dương Trọng Nghĩa	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên (Từ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2015)
Bà Nguyễn Thị Hương Giang (*)	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2015, miễn nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015)
Bà Dương Tuệ Minh (*)	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2015, miễn nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015)
Bà Nguyễn Thanh Hương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015)
Ông Lê Quang Thụ (*)	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015)
Bà Nguyễn Thị Dung (*)	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015)
Bà Nguyễn Thị Lan Hương (*)	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015)

Ban Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 09 tháng 7 năm 2015)
Ông Sven Albert Saebel	Tổng Giám đốc (Từ nhiệm ngày 09 tháng 01 năm 2015)
Bà Lê Hà Quế	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 02 tháng 3 năm 2015)
Bà Hoàng Thị Thu Hằng	Phó Tổng Giám đốc (Từ nhiệm ngày 07 tháng 8 năm 2015)
Bà Dương Tuệ Minh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2015, miễn nhiệm ngày 09 tháng 7 năm 2015)

(*) Theo Công bố thông tin bất thường của Công ty ngày 19 tháng 6 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã thông qua việc miễn nhiệm tư cách Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị đối với Ông Hà Văn Thắm, miễn nhiệm tư cách thành viên Hội đồng Quản trị đối với Bà Nguyễn Thị Hương Giang, Bà Dương Tuệ Minh và bổ nhiệm Ông Lê Quang Thụ, Bà Nguyễn Thị Dung và Bà Nguyễn Thị Lan Hương vào danh sách thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2014-2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Thị Lan Hương
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2015

500 -
G TY
M HỮU
ITTE
NAN
TP.

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính riêng”) của Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 27 tháng 8 năm 2015, từ trang 5 đến trang 30. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của kết luận ngoại trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 6 và Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có khoản đầu tư tài chính ngắn hạn với bà Hứa Thị Bích Hạnh được ghi nhận với giá trị 40.000.000.000 VND và khoản lãi phát sinh với giá trị 17.891.388.891 VND theo Hợp đồng góp vốn đầu tư số 2012/HĐGV-OCH ngày 06 tháng 3 năm 2012. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty đang làm việc để thu hồi các khoản nêu trên. Chúng tôi chưa có đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi các khoản này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 7 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đang ghi nhận một khoản trả trước cho Công ty TNHH Một Thành Viên Du lịch và Xúc tiến đầu tư Viptour với số tiền 38.567.900.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 38.567.900.000 VND) thể hiện khoản đặt cọc theo Hợp đồng số 05/HĐCN/OCH-VIPTOUR ngày 16 tháng 5 năm 2012 về việc chuyển nhượng 4.055.800 cổ phần của Công ty Cổ phần Viptour-Togi, công ty con của Công ty. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty đang làm việc với Công ty TNHH Một Thành Viên Du lịch và Xúc tiến đầu tư Viptour về việc thu hồi khoản ứng trước nêu trên. Chúng tôi chưa có đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi của khoản ứng trước này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đang ghi nhận một khoản phải thu Công ty TNHH Một Thành Viên Sao Hôm Nha Trang, công ty con của Công ty, với số tiền 187.591.500.000 VND từ việc thanh lý khoản đặt cọc ngày 30 tháng 3 năm 2014. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty đang làm việc với Công ty TNHH Một Thành Viên Sao Hôm Nha Trang về việc thu hồi khoản phải thu nêu trên. Chúng tôi chưa có đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi của khoản phải thu này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có khoản đầu tư tài chính dài hạn là khoản hợp tác đầu tư với Công ty TNHH VNT được ghi nhận với giá trị 204.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 204.000.000.000 VND) để thực hiện Dự án Khu số 1 thuộc khu đô thị mới phía Nam thành phố Bắc Giang. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty đang làm việc với Công ty TNHH VNT về kế hoạch trong tương lai của khoản hợp tác đầu tư nêu trên. Chúng tôi chưa có đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi cũng như giá trị có thể thực hiện được của dự án. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.



BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 27 tháng 8 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Xuân Ánh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0723-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		
			30/6/2015	31/12/2014
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		661.090.490.423	605.956.205.698
I. Tiền	110	5	80.680.542.807	28.245.835.593
1. Tiền	111		30.705.653.999	28.245.835.593
2. Các khoản tương đương tiền	112		49.974.888.808	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		40.000.000.000	40.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	40.000.000.000	40.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		280.938.761.915	267.012.289.819
1. Phải thu khách hàng	131		12.245.496.071	11.175.519.556
2. Trả trước cho người bán	132	7	38.704.900.000	38.835.163.587
3. Các khoản phải thu khác	135	8	358.149.813.772	345.163.054.604
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	9	(128.161.447.928)	(128.161.447.928)
IV. Hàng tồn kho	140	10	239.174.556.211	239.796.302.302
1. Hàng tồn kho	141		239.174.556.211	239.796.302.302
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		20.296.629.490	30.901.777.984
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		160.954.547	16.762.500
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		37.261.271	134.482.449
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	10.629.369.525
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		20.098.413.672	20.121.163.510
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		1.235.845.567.696	1.238.479.044.432
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.255.083.564	6.255.083.564
1. Phải thu dài hạn khác	218	11	506.255.083.564	506.255.083.564
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(500.000.000.000)	(500.000.000.000)
II. Tài sản cố định	220		2.713.299.156	2.989.342.138
1. Tài sản cố định hữu hình	221		2.119.112.198	2.330.848.226
- Nguyên giá	222		2.738.451.446	2.738.451.446
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(619.339.248)	(407.603.220)
2. Tài sản cố định vô hình	227		66.397.844	85.397.846
- Nguyên giá	228		114.000.000	114.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(47.602.156)	(28.602.154)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		527.789.114	573.096.066
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.220.408.618.001	1.222.156.847.938
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	1.046.863.126.467	1.046.863.126.467
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	13	-	32.762.945.282
3. Đầu tư dài hạn khác	258	14	444.319.350.865	445.022.647.477
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	15	(270.773.859.331)	(302.491.871.288)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		6.468.566.975	7.077.770.792
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	440.593.284	898.723.594
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	5.849.330.100	5.849.330.100
3. Tài sản dài hạn khác	268		178.643.591	329.717.098
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.896.936.058.119	1.844.435.250.130

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		510.716.971.993	495.418.390.044
I. Nợ ngắn hạn	310		496.833.428.764	480.687.091.738
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	168.908.785.784	168.908.785.784
2. Phải trả người bán	312		29.375.466.899	28.329.603.472
3. Người mua trả tiền trước	313		-	16.519.999
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	6.262.622.539	-
5. Phải trả người lao động	315		443.157.142	812.158.333
6. Chi phí phải trả	316	20	31.782.184.573	22.181.640.449
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	258.559.731.976	258.179.292.585
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.501.479.851	2.259.091.116
II. Nợ dài hạn	330		13.883.543.229	14.731.298.306
1. Phải trả dài hạn khác	333		12.692.667.094	12.883.951.534
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.190.876.135	1.847.346.772
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1.386.219.086.126	1.349.016.860.086
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	1.386.219.086.126	1.349.016.860.086
1. Vốn điều lệ	411		2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.493.439.505	4.493.439.505
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		6.329.814.592	6.329.814.592
4. Lỗ lũy kế	420		(624.604.167.971)	(661.806.394.011)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.896.936.058.119	1.844.435.250.130



Trần Thị Liệu
Người lập biểu
Quyền Kế toán trưởng

Ngày 27 tháng 8 năm 2015



Nguyễn Thị Lan Hương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 02a-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		12.279.968.377	36.507.522.590
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		100.069.773	375.505.150
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	23	12.179.898.604	36.132.017.440
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	10.328.194.653	24.046.117.607
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.851.703.951	12.085.899.833
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	33.749.330.197	50.776.858.525
7. Chi phí tài chính	22	26	(22.294.070.948)	22.552.414.675
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.343.843.646	15.975.090.194
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.854.581.252	5.484.815.194
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		54.040.523.844	34.825.528.489
11. Thu nhập khác	31		175.859.956	42.000.000
12. Chi phí khác	32		285.025.859	1.896.930.198
13. Lỗ khác (40=31-32)	40		(109.165.903)	(1.854.930.198)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		53.931.357.941	32.970.598.291
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	16.729.131.901	9.413.474.005
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	(2.474.993.342)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		37.202.226.040	26.032.117.628



Trần Thị Liệu
Người lập biểu
Quyền Kế toán trưởng

Ngày 27 tháng 8 năm 2015



Nguyễn Thị Lan Hương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 03a-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	53.931.357.941	32.970.598.291
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	230.736.030	143.605.734
- Các khoản dự phòng	03	(31.718.011.957)	6.608.122.236
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(33.749.330.197)	(50.688.195.400)
- Chi phí lãi vay	06	9.343.843.646	15.975.090.194
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.961.404.537)	5.009.221.055
- Thay đổi các khoản phải thu	09	1.551.587.690	(129.209.473.777)
- Thay đổi hàng tồn kho	10	621.746.091	1.602.574.519
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.354.243.000)	(23.991.072.013)
- Thay đổi chi phí trả trước	12	313.938.263	123.035.790
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	(16.048.208.802)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(34.397.052.049)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	151.073.507	582.335.258
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(31.000.000)	(148.126.876)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(708.301.986)	(196.476.766.895)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(1.681.173.446)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(31.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	200.400.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(130.000.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	50.057.665.200	301.763.750.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.085.344.000	38.802.561.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	53.143.009.200	377.785.137.554
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	15.000.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(219.227.672.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(204.227.672.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	52.434.707.214	(22.919.301.341)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	28.245.835.593	23.369.869.763
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	80.680.542.807	450.568.422


Trần Thị Liệu
Người lập biểu

Quyền Kế toán trưởng

Ngày 27 tháng 8 năm 2015



Nguyễn Thị Lan Hương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (gọi tắt là “Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Bảo Long, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 số 0800338870 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 7 năm 2015 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp lần đầu số 0403000464 ngày 24 tháng 7 năm 2006). Vốn điều lệ của Công ty là 2.000 tỷ đồng, tổng số cổ phiếu là 200.000.000 với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“HNX”) với mã cổ phiếu là OCH.

Công ty có Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0800338870-001 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 10 năm 2010, thay đổi lần 2 ngày 30 tháng 6 năm 2011.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 27 người (31 tháng 12 năm 2014: 62 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng; Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán); Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...); Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar); Dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản; Mua bán lương thực, thực phẩm; Sản xuất và chế biến thực phẩm; Kinh doanh bất động sản; Đại lý ký gửi, mua bán hàng hóa; Cho thuê nhà xưởng, văn phòng, nhà ở và kho bãi; Tư vấn lập dự án xây dựng các công trình công nghiệp, nhà ở và công trình công cộng; Thiết kế kỹ thuật (không bao gồm thiết kế công trình và thiết kế quy hoạch xây dựng); Đầu tư và xây dựng hạ tầng, nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; Thiết kế hệ thống cấp thoát nước - môi trường nước; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế kiến trúc công trình.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Ngày 18 tháng 5 năm 2015, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 75/2015/TT-BTC sửa đổi bổ sung Điều 128 Thông tư 200, trong đó, cho phép doanh nghiệp lựa chọn áp dụng Thông tư 200 hoặc Quyết định 15 khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ (báo cáo tài chính quý và báo cáo tài chính bán niên) của năm 2015. Công ty đã lựa chọn áp dụng Quyết định 15 thay cho Thông tư 200 trong việc lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2015
	đến ngày 30/6/2015
	(Số năm)
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị văn phòng	05 - 15

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác. Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Công ty con là công ty mà Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

1001
CỘNG HÒA
CHÍNH
ĐẠI
VIỆT
Đ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Đối với các bất động sản mà Công ty được chia sẻ lại từ chủ đầu tư thông qua các hợp đồng mua bán bất động sản và ủy quyền bán, Công ty thực hiện bán cho các nhà đầu tư khác cũng bằng hình thức hợp đồng mua bán bất động sản, chia sẻ lại cho nhà đầu tư khác phần bất động sản đã ký hợp đồng mua bán và chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích phát sinh có liên quan cho các nhà đầu tư khác. Theo đó, căn cứ theo giá trị hợp đồng và tiến độ thanh toán (tối đa bằng số tiền thu được) của các nhà đầu tư khác tương ứng với các giai đoạn thực hiện của dự án, Công ty ghi nhận doanh thu chuyển nhượng bất động sản. Đồng thời, giá vốn chuyển nhượng bất động sản cũng được xác định tương ứng căn cứ vào hợp đồng mà Công ty đã ký kết với chủ đầu tư.

Doanh thu lãi tiền gửi, lãi từ các khoản đầu tư

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

500
G T
M H U
H T T
N A
T P

11
3
11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	425.859.665	439.637.795
Tiền gửi ngân hàng	30.279.794.334	27.806.197.798
Các khoản tương đương tiền	49.974.888.808	-
	<u>80.680.542.807</u>	<u>28.245.835.593</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Bà Hứa Thị Bích Hạnh	40.000.000.000	40.000.000.000
	40.000.000.000	40.000.000.000

Phản ánh khoản tiền chuyển cho bà Hứa Thị Bích Hạnh theo Hợp đồng góp vốn đầu tư số 2012/HĐGV-OCH ngày 06 tháng 3 năm 2012. Hợp đồng này đã quá hạn từ tháng 3 năm 2015. Ban Giám đốc Công ty đang làm việc để thu hồi khoản đầu tư tài chính ngắn hạn này.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Một thành viên Du lịch và Xúc tiến đầu tư Viptour (i)	38.567.900.000	38.567.900.000
Nhà cung cấp khác	137.000.000	267.263.587
	38.704.900.000	38.835.163.587

(i) Khoản trả trước cho Công ty TNHH Một thành viên Du lịch và Xúc tiến đầu tư Viptour với số tiền 38.567.900.000 VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 thể hiện khoản đặt cọc theo Hợp đồng số 05/HĐCN/OCH-VIPTOUR ngày 16 tháng 5 năm 2012 về việc chuyển nhượng 4.055.800 cổ phần của Công ty Cổ phần Viptour-Togi. Tại ngày lập báo cáo, Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty đang làm việc với Công ty TNHH Một thành viên Du lịch và Xúc tiến đầu tư Viptour về việc thu hồi khoản ứng trước này.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Ông Hà Trọng Nam (i)	128.161.447.928	128.161.447.928
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ (ii)	16.110.036.172	14.251.655.450
Bà Hứa Thị Bích Hạnh (iii)	17.891.388.891	15.679.166.668
Công ty TNHH Một Thành Viên Sao Hôm	187.591.500.000	178.632.000.000
Nha Trang (iv)		
Phải thu từ việc nhận chuyển nhượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình An (v)	8.093.549.831	8.093.549.831
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	-	32.834.727
Phải thu khác	301.890.950	312.400.000
	358.149.813.772	345.163.054.604

(i) Phản ánh khoản lãi tính trên khoản phải thu ông Hà Trọng Nam (bên liên quan của Công ty) theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2510/2010/HĐ-CNCP ngày 25 tháng 10 năm 2010 và các phụ lục như đã trình bày tại Thuyết minh số 11 (i).

(ii) Phản ánh khoản lãi phải thu của khoản cho Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ vay theo Hợp đồng vay vốn số 30/2011/OCH-SM ngày 19 tháng 8 năm 2011 như đã trình bày tại Thuyết minh số 14.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)

- (iii) Phản ánh khoản lãi phải thu bà Hứa Thị Bích Hạnh phát sinh từ Hợp đồng góp vốn đầu tư số 2012/HĐGV-OCH ngày 06 tháng 3 năm 2012 như đã trình bày tại Thuyết minh số 6. Ban Giám đốc Công ty đang làm việc để thu hồi khoản lãi phải thu này.
- (iv) Phản ánh khoản phải thu lại tiền đặt cọc với giá trị 162.000.000.000 VND và lãi tiền đặt cọc, lãi phạt chậm trả với giá trị 25.591.500.000 VND theo Thỏa thuận đặt cọc ngày 13 tháng 01 năm 2014 đã được thanh lý theo biên bản thanh lý ngày 30 tháng 3 năm 2014.
- (v) Phản ánh giá trị khoản phải thu liên quan đến việc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình An.

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Ông Hà Trọng Nam (i)	128.161.447.928	128.161.447.928
	<u>128.161.447.928</u>	<u>128.161.447.928</u>

- (i) Phản ánh dự phòng khoản lãi tính trên khoản phải thu ông Hà Trọng Nam được trình bày trên Thuyết minh số 8 (i). Khoản lãi phải thu này đã được trích lập dự phòng 100% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 6 năm 2015.

10. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	77.399.788	105.334.737
Công cụ, dụng cụ	118.558.718	117.905.556
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	217.595.283.880	217.482.477.580
Hàng hóa bất động sản (ii)	21.383.313.825	22.090.584.429
	<u>239.174.556.211</u>	<u>239.796.302.302</u>

- (i) Phản ánh giá trị quyền sử dụng đất và chi phí xây dựng lũy kế của dự án Saigon Airport Plaza theo Hợp đồng chuyển nhượng với Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Liên Á - Phú Hưng Gia với tổng số tiền là 217.595.283.880 VND. Hiện tại, quyền sử dụng đất của dự án đang được thế chấp để bảo lãnh cho Công ty TNHH MTV Đầu tư và dịch vụ Đại Dương Xanh theo Hợp đồng hợp tác đầu tư. Trong 06 tháng đầu năm 2015, dự án đang tạm dừng hoạt động, Công ty đang làm việc với bên liên quan để có thể tiếp tục thực hiện dự án.
- (ii) Giá trị trích trước các căn hộ đã nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền kinh doanh, khai thác và sử dụng phòng khách sạn số 0109/HĐCN/2012-SCNT/SH-OCH ngày 01 tháng 9 năm 2012.

11. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Ông Hà Trọng Nam (i)	500.000.000.000	500.000.000.000
Khác	6.255.083.564	6.255.083.564
	<u>506.255.083.564</u>	<u>506.255.083.564</u>
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(500.000.000.000)	(500.000.000.000)
	<u>6.255.083.564</u>	<u>6.255.083.564</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

11. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC (Tiếp theo)

- (i) Khoản ứng trước cho ông Hà Trọng Nam (bên liên quan của Công ty) theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2510/2010/HĐ-CNCP ngày 25 tháng 10 năm 2010 về việc Công ty nhận chuyển nhượng 634.700 cổ phần của Công ty Cổ phần Tràng Tiền từ một nhóm cổ đông. Tại ngày 05 tháng 6 năm 2015, Công ty đã ký Phụ lục hợp đồng số 05 với ông Hà Trọng Nam, theo đó, hai bên thỏa thuận dừng thực hiện chuyển nhượng cổ phần và ông Hà Trọng Nam có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ gốc và lãi tối đa trong vòng 3 năm kể từ ngày ký kết Phụ lục. Khoản phải thu dài hạn này đã được trích lập dự phòng 100% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 6 năm 2015.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Tên công ty con	Ngày năm quyền kiểm soát (i)	Giá trị đầu tư tại ngày 30/6/2015 VND	Giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2014 VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển đầu tư	31/12/2009	172.928.550.363	172.928.550.363
Công ty Cổ Phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	08/4/2011	47.209.238.000	47.209.238.000
Công ty Cổ phần Tân Việt	23/5/2011	109.493.338.104	109.493.338.104
Công ty Cổ phần Bánh Givral	29/12/2011	323.400.000.000	323.400.000.000
Công ty Cổ phần Viptour-Togi	01/4/2013	246.832.000.000	246.832.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	30/9/2013	47.000.000.000	47.000.000.000
Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	01/7/2014	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Kem Tràng Tiền (ii)	31/12/2013	-	-
		1.046.863.126.467	1.046.863.126.467

- (i) Là ngày Công ty nắm giữ quyền kiểm soát của các công ty con sau khi đã mua số cổ phần chi phối các công ty này.

- (ii) Công ty con chịu sự kiểm soát trực tiếp của Công ty Cổ phần Bánh Givral.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ tại ngày 30/6/2015 (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	Quảng Nam	74	74	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ Phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	Quảng Ninh	83	83	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ Phần Tân Việt	Nha Trang	51,42	51,42	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Bánh Givral	Thành phố Hồ Chí Minh	98	98	Sản xuất, kinh doanh các loại bánh từ bột, cacao, sôcôla và mút kẹo;
Công ty CP Viptour-Togi	Hà Nội	80	80	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	Hà Nội	94	94	Truyền thông
Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	Nha Trang	100 (*)	100	Kinh doanh khách sạn

- (*) Phản ánh tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4201214168 thay đổi lần thứ nhất ngày 06 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp. Công ty nhận chuyển nhượng 90% quyền sở hữu tại Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương, Công ty đang thực hiện các thủ tục để hoàn thiện việc nhận chuyển nhượng 10% quyền sở hữu còn lại từ một bên khác tại ngày lập báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	-	32.762.945.282
	<u>-</u>	<u>32.762.945.282</u>

Tại ngày 22 tháng 5 năm 2015, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phiếu Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông đang nắm giữ cho một bên thứ ba.

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty TNHH VNT (i)	204.000.000.000	204.000.000.000
Công ty Cổ phần Đại Dương Thăng Long (iv)	116.000.000.000	116.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Kinh doanh Công trình Công nghiệp Việt-Sing (ii)	52.981.677.964	53.684.974.576
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ (iii)	33.920.244.101	33.920.244.101
Công ty Cổ phần Fafilm Việt Nam (iv)	18.563.678.800	18.563.678.800
Công ty Cổ phần Kính mắt Hà Nội (iv)	11.430.000.000	11.430.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư THT Việt Nam (iv)	3.000.050.000	3.000.050.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật xây dựng và Vật liệu xây dựng (iv)	4.423.700.000	4.423.700.000
	<u>444.319.350.865</u>	<u>445.022.647.477</u>

(i) Phản ánh khoản hợp tác đầu tư với Công ty TNHH VNT theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 3008/2013/HTĐT/VNT-OCH ngày 30 tháng 8 năm 2013 để thực hiện Dự án Khu số I thuộc đô thị mới phía Nam thành phố Bắc Giang. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đang làm việc với Công ty TNHH VNT để cập nhật tiến độ của dự án cũng như đang đánh giá kế hoạch trong tương lai của khoản hợp tác đầu tư nêu trên.

(ii) Phản ánh khoản tiền chuyển cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Kinh doanh Công trình Công nghiệp Việt-Sing theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2013/HTĐT/VS-OCH ngày 17 tháng 10 năm 2013 để thực hiện Dự án Khu công nghiệp Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội.

(iii) Phản ánh khoản tiền cho Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ (công ty con của Công ty) vay theo hợp đồng vay vốn.

(iv) Phản ánh khoản đầu tư mua cổ phần của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	24.900.000.000	24.900.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	-	18.716.680.287
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển đầu tư	172.928.550.363	172.928.550.363
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	2.234.030.704	13.585.658.072
Công ty TNHH MTV Sao hôm Nha Trang	70.000.000.000	70.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long	-	1.092.534.422
Các khoản đầu tư khác	711.278.264	1.268.448.144
	<u>270.773.859.331</u>	<u>302.491.871.288</u>

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>Từ ngày 01/01/2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	<u>đến ngày 30/6/2015</u>	<u>VND</u>
	VND	VND
Tại ngày đầu kỳ/năm	898.723.594	1.492.976.430
Tăng trong kỳ/năm	241.480.790	1.533.708.638
Phân bổ vào chi phí trong kỳ/năm	(699.611.100)	(2.127.961.474)
Giảm khác	-	-
Tại ngày cuối kỳ/năm	<u>440.593.284</u>	<u>898.723.594</u>

17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	<u>Từ ngày 01/01/2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	<u>đến ngày 30/6/2015</u>	<u>VND</u>
	VND	VND
Tại ngày đầu kỳ/năm	5.849.330.100	3.374.336.758
Chi phí chưa được trừ cho mục đích tính thuế	-	2.474.993.342
Tại ngày cuối kỳ/năm	<u>5.849.330.100</u>	<u>5.849.330.100</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển đầu tư (i)	13.908.785.784	13.908.785.784
Công ty Cổ phần Bánh Givral (ii)	155.000.000.000	155.000.000.000
	<u>168.908.785.784</u>	<u>168.908.785.784</u>

- (i) Phản ánh giá trị khoản vay theo Hợp đồng số 18/2014/HĐVV/OCH-IOC ngày 28 tháng 4 năm 2014 với Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư. Đến thời điểm lập báo cáo, khoản vay này đã bị quá hạn và Ban Giám đốc Công ty đang làm thủ tục để gia hạn khoản vay.
- (ii) Phản ánh khoản vay ngắn hạn từ Công ty Cổ phần Bánh Givral theo Hợp đồng cho vay số 02/2013/HĐCV/GIVRAL-OCH ngày 04 tháng 11 năm 2013. Đến thời điểm lập báo cáo, khoản vay này đã bị quá hạn và Ban Giám đốc Công ty đang làm thủ tục để gia hạn khoản vay.

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	47.422.092	-
Thuế thu nhập cá nhân	87.263.617	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.127.936.830	-
Các khoản phải nộp khác	-	-
	<u>6.262.622.539</u>	<u>-</u>

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	28.951.193.973	19.609.599.737
Chi phí phải trả khác	2.830.990.600	2.572.040.712
	<u>31.782.184.573</u>	<u>22.181.640.449</u>



Handwritten signature

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Dịch vụ Đại Dương Xanh	116.504.288.300	116.504.288.300
(i)		
Cổ tức năm 2013 chưa trả	140.000.000.000	140.000.000.000
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2013	96.000.000	120.000.000
Phải trả, phải nộp khác	1.959.443.676	1.555.004.285
	<u>258.559.731.976</u>	<u>258.179.292.585</u>

- (i) Khoản phải trả Công ty TNHH MTV Đầu tư và Dịch vụ Đại Dương Xanh về phần vốn góp của Công ty liên quan đến Hợp đồng chuyển nhượng quyền góp vốn vào dự án SaiGon Airport Plaza.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG
Số 4 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	2.000.000.000.000	2.610.910.700	6.329.814.592	238.629.017.954	2.247.569.743.246
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(757.214.773.468)	(757.214.773.468)
Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	(140.000.000.000)	(140.000.000.000)
Phân phối lợi nhuận năm 2013	-	1.882.528.805	-	(3.320.298.969)	(1.437.770.164)
Giảm khác	-	-	-	99.660.472	99.660.472
Số dư tại ngày 01/01/2015	2.000.000.000.000	4.493.439.505	6.329.814.592	(661.806.394.011)	1.349.016.860.086
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	37.202.226.040	37.202.226.040
Số dư tại ngày 30/6/2015	2.000.000.000.000	4.493.439.505	6.329.814.592	(624.604.167.971)	1.386.219.086.126



(Handwritten signature)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 số 0800338870 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 7 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 2.000 tỷ đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	30/6/2015		31/12/2014	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	1.310.000.000.000	65,50%	1.334.612.100.000	66,73%
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thái Bình Dương	122.198.680.000	6,11%	122.198.680.000	6,11%
Các cổ đông khác	567.801.320.000	28,39%	543.189.220.000	27,16%
	2.000.000.000.000	100%	2.000.000.000.000	100%

	30/6/2015	31/12/2014
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	200.000.000	200.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	200.000.000	200.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	200.000.000	200.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	200.000.000	200.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng.

23. DOANH THU - GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.279.968.377	36.507.522.590
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	11.054.035.032	33.130.216.261
- Doanh thu nhượng quyền kinh doanh bất động sản	1.225.933.345	3.377.306.329
Các khoản giảm trừ doanh thu	(100.069.773)	(375.505.150)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.179.898.604	36.132.017.440
Giá vốn hàng hóa bán ra và dịch vụ cung cấp	10.328.194.653	24.046.117.607
- Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	9.620.924.049	22.318.328.484
- Giá vốn nhượng quyền kinh doanh bất động sản	707.270.604	1.727.789.123

0112
CÔNG
CH NHIỆ
DELC
HIỆT
ĐA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Từ ngày 01/01/2015</u> <u>đến ngày 30/6/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2014</u> <u>đến ngày 30/6/2014</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	999.704.788	156.118.042
Chi phí nhân công	4.565.741.365	7.389.675.983
Chi phí khấu hao tài sản cố định	230.736.030	143.605.734
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.565.166.676	18.941.081.866
Chi phí khác bằng tiền	5.821.427.046	1.172.662.053
	14.182.775.905	27.803.143.678

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Từ ngày 01/01/2015</u> <u>đến ngày 30/6/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2014</u> <u>đến ngày 30/6/2014</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.369.266.279	46.872.773.525
Lãi từ hoạt động đầu tư	17.294.719.918	601.524.000
Trong đó:		
- Lãi từ chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	17.294.719.918	-
- Lãi từ chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam	-	601.524.000
Cổ tức, lợi nhuận nhận được	3.085.344.000	3.302.561.000
	33.749.330.197	50.776.858.525

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Từ ngày 01/01/2015</u> <u>đến ngày 30/6/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2014</u> <u>đến ngày 30/6/2014</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	9.343.843.646	15.975.090.194
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết	(31.718.011.957)	6.577.324.481
Chi phí tài chính khác	80.097.363	-
	(22.294.070.948)	22.552.414.675

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	53.931.357.941	32.970.598.291
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(3.085.344.000)</i>	<i>(3.302.561.000)</i>
<i>Cộng: Chi phí không được khấu trừ thuế</i>	<i>56.605.810</i>	<i>1.870.511.177</i>
<i>Cộng: Thu nhập lãi phát sinh chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu kế toán</i>	<i>25.138.888.889</i>	<i>-</i>
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	76.041.508.640	31.538.548.468
Thuế suất thông thường	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	16.729.131.901	6.938.480.663
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung theo biên bản thanh tra thuế	-	2.474.993.342
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	16.729.131.901	9.413.474.005

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18, trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lỗ lũy kế).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản vay	168.908.785.784	168.908.785.784
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	80.680.542.807	28.245.835.593
Nợ thuần	88.228.242.977	140.662.950.191
Vốn chủ sở hữu	1.386.219.086.126	1.349.016.860.086
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,06	0,10

Handwritten signature

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và tương đương tiền	80.680.542.807	28.245.835.593
Phải thu khách hàng và phải thu khác	248.488.945.479	234.432.209.796
Đầu tư ngắn hạn	40.000.000.000	40.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	443.608.072.601	442.661.664.911
Tổng cộng	812.777.560.887	745.339.710.300
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	168.908.785.784	168.908.785.784
Phải trả người bán và phải trả khác	184.123.577.669	182.888.559.291
Chi phí phải trả	31.782.184.573	22.181.640.449
Tổng cộng	384.814.548.026	373.978.985.524

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất hay rủi ro về giá có thể cao hơn chi phí phát sinh rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Độ nhạy của lãi suất

Lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ bị ảnh hưởng do biến động của lãi suất khi Công ty có các khoản vay chịu lãi suất thả nổi. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty không có khoản vay nào chịu lãi suất thả nổi nên thay đổi của lãi suất thị trường không ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư ... Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ QUỐC TẾ
HÀ NỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
30/6/2015			
Tiền và tương đương tiền	80.680.542.807	-	80.680.542.807
Phải thu khách hàng và phải thu khác	242.233.861.915	6.255.083.564	248.488.945.479
Đầu tư ngắn hạn	40.000.000.000	-	40.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	443.608.072.601	443.608.072.601
Tổng cộng	362.914.404.722	449.863.156.165	812.777.560.887
30/6/2015			
Các khoản vay	168.908.785.784	-	168.908.785.784
Phải trả người bán và phải trả khác	171.430.910.575	12.692.667.094	184.123.577.669
Chi phí phải trả	31.782.184.573	-	31.782.184.573
Tổng cộng	372.121.880.932	12.692.667.094	384.814.548.026
Chênh lệch thanh khoản thuần	(9.207.476.210)	437.170.489.071	427.963.012.861
	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2014			
Tiền	28.245.835.593	-	28.245.835.593
Phải thu khách hàng và phải thu khác	228.177.126.232	6.255.083.564	234.432.209.796
Đầu tư ngắn hạn	40.000.000.000	-	40.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	442.661.664.911	442.661.664.911
Tổng cộng	296.422.961.825	448.916.748.475	745.339.710.300
31/12/2014			
Các khoản vay	168.908.785.784	-	168.908.785.784
Phải trả người bán và phải trả khác	170.004.607.757	12.883.951.534	182.888.559.291
Chi phí phải trả	22.181.640.449	-	22.181.640.449
Tổng cộng	361.095.033.990	12.883.951.534	373.978.985.524
Chênh lệch thanh khoản thuần	(64.672.072.165)	436.032.796.941	371.360.724.776

01
CÔN
GH NH
DEL
TIẾT
ĐA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	Công ty con
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Việt	Công ty con
Công ty Cổ phần Bánh Givral	Công ty con
Công ty Cổ phần Viptour-Togi	Công ty con
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	Công ty con
Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	Công ty con
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát Triển Giảng Võ	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH VNT	Tổng Giám đốc của Công ty là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty TNHH VNT
Ông Hà Trọng Nam	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Bánh Givral	859.090.910	1.804.240.801
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	481.058.991	513.489.138
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	3.375.369.280	5.038.751.999
Công ty TNHH Phát Triển Giảng Võ	343.636.364	343.636.364
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	33.044.532	1.599.295.690
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	-	760.749.682
Công ty Cổ phần Tân Việt	-	63.636.364
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	2.295.835.856	2.659.151.142
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long	281.110.545	83.167.174
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	86.522.988	12.033.245.612
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	141.058.663	92.928.050
Công ty Cổ phần Tân Việt	4.373.494	20.083.602
Công ty Cổ phần Bánh Givral	-	201.964.773
Công ty TNHH Phát Triển Giảng Võ	10.346.041	254.709.679
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	-	4.036.365
Cổ tức nhận được		
Công ty Cổ phần Tân Việt	3.085.344.000	3.085.344.000
Chi phí lãi vay và lãi tiền gửi Công ty phải trả cho		
Công ty Cổ phần Dịch vụ hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	769.233.125	1.429.999.999
Công ty Cổ phần Bánh Givral	8.572.361.111	7.742.777.777
Lãi thu được từ cho vay		
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	1.858.380.722	1.868.529.421
Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	8.959.500.000	7.524.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	3.422.016.208	1.622.573.502
Công ty Cổ phần Bánh Givral	-	252.282.090
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Đại Dương	-	311.482.564
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	2.138.536.123	1.610.383.233
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	330.948.313	1.330.948.313
Phải trả khách hàng		
Công ty Cổ phần Tân Việt	121.607.912	124.972.892
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	468.936.450	468.936.450
Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	15.002.377.000	15.452.377.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	11.660.563.673	11.565.510.332
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	-	3.070.550
Công ty TNHH Phát triển Giảng Võ	36.580.645	25.200.000
Công ty TNHH VNT	30.000.000	29.392.800
Phải thu ngắn hạn khác		
Ông Hà Trọng Nam	128.161.447.928	128.161.447.928
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	16.110.036.172	14.251.655.450
Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	187.591.500.000	178.632.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	-	32.834.727
Phải thu dài hạn khác		
Ông Hà Trọng Nam	500.000.000.000	500.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn khác		
Công ty TNHH VNT	204.000.000.000	204.000.000.000
Vay và nợ ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	13.908.785.784	13.908.785.784

30. SỰ KIẾN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Ngày 13 tháng 8 năm 2015, Công ty đã ký Thỏa thuận về phương án tái cơ cấu nghĩa vụ tài chính Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long (“OTL”). Theo các quy định tại thỏa thuận này, OTL sẽ được tách thành hai công ty: “OTL sau khi tách” và Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Phát triển Đô thị Ngôi Sao Xanh (“Ngôi Sao Xanh”). Trong đó, Công ty sẽ sở hữu 7.424.100 cổ phiếu (chiếm 13,49% tỷ lệ sở hữu) tại “OTL sau khi tách” và 4.175.900 cổ phiếu (chiếm 6,84% tỷ lệ sở hữu) tại Ngôi Sao Xanh. Sau đó, Công ty sẽ chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu của Công ty tại Ngôi Sao Xanh cho Công ty Cổ phần Vincom Retail với số tiền 195.923.000.000 VND. Theo đó, lợi ích kinh tế thu được từ giao dịch này lớn hơn giá trị mà Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long, do đó, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được soát xét.



Trần Thị Liệu
Người lập biểu
Quyền Kế toán trưởng

Ngày 27 tháng 8 năm 2015



Nguyễn Thị Lan Hương
Tổng Giám đốc